

Số: 208.1/2013/DFK - BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013  
của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco

**Kính gửi**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (Trước đây là Công ty TNHH MTV Thuốc Thú y Trung Ương) (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của kiểm toán viên:** Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013.



**Nguyễn Lương Nhân**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0182-2013-042-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

Tp. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2014



**Lê Đình Huyền**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 01756-2013-042-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

(Trước đây là Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương)

Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VNĐ**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	05/11/2013
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>352.437.070.129</b>	<b>298.309.477.319</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	01	<b>119.993.877.111</b>	<b>110.380.821.549</b>
1. Tiền	111		25.356.816.511	67.527.821.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.637.060.600	42.853.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	02	<b>117.063.203.919</b>	<b>83.051.752.420</b>
1. Phải thu khách hàng	131		101.601.814.366	69.206.550.205
2. Trả trước cho người bán	132		9.944.095.104	6.299.590.792
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		5.517.294.449	7.545.611.423
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	03	<b>113.798.676.867</b>	<b>101.925.886.193</b>
1. Hàng tồn kho	141		114.947.990.634	101.925.886.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.149.313.767)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.581.312.232</b>	<b>2.951.017.157</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	732.856.605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	04	1.581.312.232	2.218.160.552
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>149.854.302.779</b>	<b>146.314.380.682</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>127.698.856.690</b>	<b>123.520.532.178</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	05	99.241.270.968	75.499.829.853
- Nguyên giá	222		163.468.133.394	136.517.673.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.226.862.426)	(61.017.843.827)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	06	222.818.390	222.818.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.818.390)	(222.818.390)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	07	28.457.585.722	48.020.702.325
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.155.446.089</b>	<b>22.793.848.504</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	08	22.155.446.089	22.793.848.504
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>502.291.372.908</b>	<b>444.623.858.001</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

(Trước đây là Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương)

Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	05/11/2013
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>335.368.084.549</b>	<b>307.114.793.646</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.975.863.990</b>	<b>280.529.689.319</b>
1. Phải trả cho người bán	312	09	46.125.301.786	34.609.020.013
2. Người mua trả tiền trước	313	09	5.825.462.921	4.985.983.487
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	10	27.946.312.207	20.960.373.361
4. Phải trả công nhân viên	315		2.925.777.000	-
5. Chi phí phải trả	316	11	6.429.291.874	18.300.541.365
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	217.553.218.202	201.673.771.093
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13	(829.500.000)	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.392.220.559</b>	<b>26.585.104.327</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		29.392.220.559	26.585.104.327
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>166.923.288.359</b>	<b>137.509.064.355</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	14	<b>166.718.331.521</b>	<b>137.229.064.355</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	125.015.357.861
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	7.544.178.234
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	4.669.528.260
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.718.331.521	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>204.956.838</b>	<b>280.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		280.000.000	280.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		(75.043.162)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>502.291.372.908</b>	<b>444.623.858.001</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	05/11/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	179.883.412.516	145.695.641.291
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	31.026,88	29.526,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

**Đỗ Thị Hải Thanh**  
Người lập  
Ngày 20 tháng 3 năm 2014

**Hồ Cảnh Sơn**  
Kế toán trưởng



**Phạm Quang Thái**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 02-DN	
			Đơn vị: VNĐ	Đơn vị: VNĐ
			Kỳ này	Lũy kế từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>120.611.494.380</b>	<b>596.515.381.665</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		175.958.400	1.084.093.653
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	15	<b>120.435.535.980</b>	<b>595.431.288.012</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	16	82.390.215.209	419.472.487.819
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>38.045.320.771</b>	<b>175.958.800.193</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	233.785.166	2.014.428.162
7. Chi phí tài chính	22	18	655.905.642	2.479.494.313
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	19	18.199.800.541	68.752.805.134
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	7.596.370.806	76.018.482.384
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>11.827.028.948</b>	<b>30.722.446.524</b>
11. Thu nhập khác	31		138.516.423	421.275.394
12. Chi phí khác	32		1.629.650.724	6.008.381.546
13. Lợi nhuận khác	40	21	(1.491.134.301)	(5.587.106.152)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.335.894.647</b>	<b>25.135.340.372</b>
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.617.563.126	13.232.726.202
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.718.331.521</b>	<b>11.902.614.170</b>



**Đỗ Thị Hải Thanh**  
 Người lập  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2014

**Hồ Cảnh Sơn**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Quang Thái**  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

(Trước đây là Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương)

Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

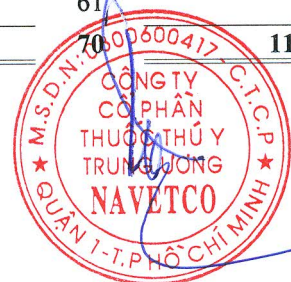
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>10.335.894.647</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định	2	3.653.605.706
Các khoản dự phòng	3	1.149.313.767
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(233.785.166)
<b>2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>14.905.028.954</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(32.641.746.574)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.022.104.441)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	38.221.253.451
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	638.402.415
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(904.543.162)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.196.290.643</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7.423.343.111)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	233.785.166
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.189.557.945)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	26.687.982.964
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(17.081.660.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.606.322.864</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>9.613.055.562</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	110.380.821.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>119.993.877.111</b>



*[Handwritten signature]*

**Đỗ Thị Hải Thanh**

Người lập

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

**Hồ Cảnh Sơn**

Kế toán trưởng

**Phạm Quang Thái**

Tổng Giám đốc